

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 01 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiến

2. Bà Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2017/TL.ST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh D (có mặt)

Địa chỉ: Số 45B, tổ 51, khu vực 8, phường HP, quận CR, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông Hà Hữu Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nhơn Thuận 1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/10/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày: Bà và ông Hà Hữu Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên cờ bạc, ăn chơi, không lo cho gia đình nên từ đó vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng không còn sống chung. Bà D xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Hà Hữu N (nam), sinh ngày 01/6/2012, cháu N hiện đang sống với bà. Bà D yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Hà Hữu Đ trình bày: Ông Đ trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Ông Đ xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016, bà D tự ý bỏ nhà đi đến nay nên vợ chồng không còn sống chung. Ông Đ đồng ý

với yêu cầu ly hôn của bà D. Về con chung: Ông Đ yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Hà Hữu Đ. Về con chung: Giao cháu Hà Hữu N cho bà D nuôi dưỡng, ông Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Hà Hữu Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa bà D và ông Đ phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 27/10/2017, bà D có yêu cầu ly hôn với ông Đ, xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Đ, bà D tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông Đ, bà D phát sinh mâu thuẫn. Bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là ông Đ thường xuyên cờ bạc, ăn chơi, không lo cho gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông Đ cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng do bà D tự ý bỏ đi, ông Đ và bà D không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm. Ông Đ đồng ý ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà D, ông Đ là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[3.2] Về con chung: Bà D và ông Đ đều có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, bà D cung cấp đơn xác nhận về thu nhập, hiện tại bà D đi làm thuê có thu nhập ổn định là 4.500.000đồng/tháng. Ông Đ có yêu cầu nuôi con chung nhưng không cung được cấp chứng cứ, chứng minh về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu N từ nhỏ đã sống chung với gia đình bà D. Sau khi bà D, ông Đ không còn sống chung thì cháu N do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng bà D vẫn tạo điều kiện cho ông Đ thăm và chăm sóc cháu. Nhằm đảm bảo ổn định về tâm lý, chỗ ở và điều kiện chăm sóc, giáo dục cho cháu N nên giao cháu N cho bà D nuôi dưỡng. Do bà D không có yêu cầu cấp dưỡng nên ông Đ không có

nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Hà Hữu Đ.

Về con chung: Giao Hà Hữu N (nam), sinh ngày 01/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh D nuôi dưỡng, ông Hà Hữu Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0011198 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà D đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Nhơn Nghĩa A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Diệu